

BÀI 1 : HTML cơ sở

1-Thành phần-Element: Mỗi một trang HTML được tạo bởi nhiều thành phần. Thành phần như một hộp chứa từng nội dung của trang Web. Thành phần khai báo các đặc tính mà nội dung trong thành phần sẽ dựa vào đó. Để đi vào chi tiết của thành phần, trước hết bạn cần nắm một số thành phần chính của trang web sau đây:

Ủ **<html></html>**: Bắt đầu và kết thúc của văn bản (bắt buộc có trong tất cả văn bản HTML).

ầ **<head></head>**: Bắt đầu và kết thúc phần lưu trữ các thông tin quan trọng của văn bản. Phần này không hiển thị trên trình duyệt.

ệ **<title></title>**: Cặp thẻ này chứa tiêu đề của trang. Tiêu đề này nằm trong phần **<head></head>** và được hiển thị trên cùng của trình duyệt. Khai báo **<title></title>** luôn có để Search Engine tìm trang.

E **<meta></meta>**:: Tag **<meta>** thường không cần khóa **</meta>**. Tag này dùng để khai báo các thông tin chi tiết về trang. Các khai báo bày thường bắt đầu như: **<meta name="discription" content="nội dung...">**, hoặc **<meta name="keywords" content="nội dung....">**. Các khai báo này cũng được dùng cho Search Engine. (Nên có)

d **<link></link>**: Cặp Tag này dùng để liên kết tập tin ngoài vào trang Web, thường là tập tin Cascading style sheet với phần mở rộng là css.

Ví dụ:

```
<LINK REL="STYLESHEET" HREF="default.css" CHARSET="UTF-8" TYPE="text/css">
```

Khi khai báo như vậy Tag này không cần tag đóng **</link>**(sẽ để cập trong phần CSS).

ầ **<style></style>**: Cặp Tag này dùng để nhúng phong cách Cascading Style Sheet. Có thể đặt trong phần **<head></head>** hoặc đặt tại nơi phong cách được áp dụng.

Ví dụ:

```
<style>
```

```
p {font-family:tahoma;verdana;font-size:14px; color:#000000;}
```

```
</style>
```

< **<script></script>**: Cặp tag này dùng để nhúng ứng dụng Javascript, có thể đặt trong phần **<head></head>** hoặc tại vị trí ứng dụng được gọi. (sẽ để cập trong phần javascript).

Ví dụ:

```
<script language="JavaScript">
```

```
for(x=0; x<5;>
```

f **<body></body>**: Đây là cặp tag chứa đựng nội dung của trang Web. Những gì hiển thị trên Browser nằm trong cặp tag này. (Riêng với Frameset không cần khai báo)

ầ **<frameset></frameset>**: Được đặt ngay dưới cặp Tags: **<head></head>** . Với Frameset không cần cặp Tags: **<body></body>**. Ví dụ tài liệu HTML này được trình bày theo kiểu Frame. (sẽ để cập trong các bài học)

ọ **<isindex>**: Thông báo trình duyệt rằng trang index có thể tìm được nằm trên server.

ầ **<!doctype>**: Mô tả bản HTML mà trang web định dạng theo đó. (không bắt buộc)

2-Thẻ-Tag: Thẻ cũng là một thành phần của trang. Đây chính là những gì bạn cần nhớ để biên tập trang HTML. Các thẻ thường đi theo cặp và có cấu trúc như thành phần chính, nghĩa là cũng có thể mở và đóng. Thẻ mở bắt đầu với dấu nhỏ hơn(<) rồi đến thành phần của thẻ rồi dấu lớn hơn(>) và thẻ đóng cũng tương tự nhưng có thêm dấu chéo tới (/).

Ví dụ: để khai báo một đoạn văn bản trong trang HTML, ta gõ vào: `<p> nội dung đoạn văn bản</p>`. Trong đó `<p>`: khai báo đoạn văn bản sẽ hiển thị và `</p>`: đóng khai báo đoạn văn bản.

Một số thẻ không có tag đóng, ví dụ như `
` dùng để xuống hàng hay `<hr>` dùng để vẽ một đường ngang.

3-Thuộc tính-Attributes và Giá trị-Values:

Thuộc tính là một thành phần quan trọng trong HTML. Thuộc tính được sử dụng để định nghĩa đặc tính của thành phần và được đặt trong tag mở của thành phần. Giá trị luôn đi kèm với thuộc tính để xác định đặc tính của thành phần. Đơn giản là thuộc tính đặt tên cho đặc tính và giá trị mô tả đặc tính đó. Như vậy, một thành phần thường có cấu trúc:

- Tag mở thành phần.
- Thuộc tính thành phần, dấu "=" và "Giá trị thành phần"
- Tag đóng thành phần.

Ví dụ: Để hiển thị chữ màu xanh, ta dùng cặp tag ``. Và ta yêu cầu Browser bằng lệnh sau:

```
<font color="blue"> Chữ ở giữa cặp tag này sẽ có màu xanh</font>
```

Trong đó: **color:** là thuộc tính, và **giá trị**="blue" là giá trị của thuộc tính màu.

Lưu ý:

- Không phải các thuộc tính và giá trị đều áp dụng cho tất cả các thành phần. Ví dụ: nếu ta dùng `color="blue"` trong thẻ `<p color="blue">`, trình duyệt sẽ bỏ qua thuộc tính và giá trị này và lấy mặc nhiên của nó (thường là chữ màu đen).
- Luôn luôn khai báo giá trị trong dấu ngoặc kép (" ") mặc dù HTML, XHTML và XML không yêu cầu.
- Font chữ và phong cách chọn trong chương trình biên tập HTML không có tác dụng trong Browser.
- Dùng phím Enter và phím Cách (space) để tạo khoảng cách các chữ cũng không có tác dụng.

HTML là ngôn ngữ Markup là vậy. Muốn trình diễn kiểu nào, phải khai báo Markup kiểu đó, và để Markup phải dùng đến TAG.

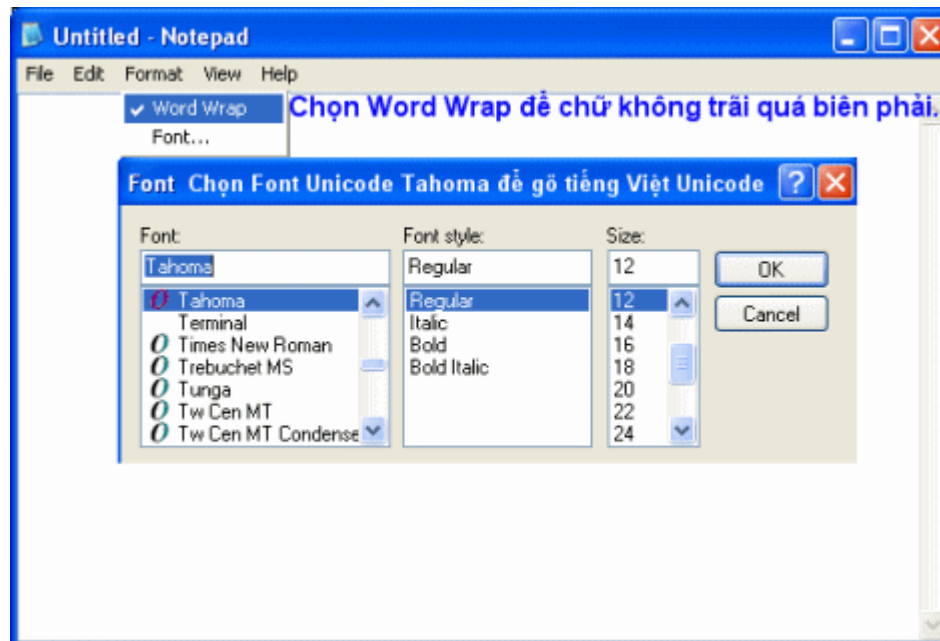
Ok, trong bài học này bạn cần để ý đến 4 thành phần cơ bản của trang là:

- `<html></html>`.
- `<head></head>`.
- `<title></title>`.
- `<body></body>`.

Hãy bắt đầu với trang HTML đầu tiên của bạn.

II-Trang HTML đầu tiên của bạn:

1-Mở Notepad: Từ Windows, click Start/ chọn All Programs/ chọn Accessories/ Chọn Notepad, chương trình Notepad mở ra như hình dưới:



Trong cửa sổ Notepad, click Format, chọn Word Wrap để chữ không tràn sang biên phải mà tự động xuống hàng. Click Format một lần nữa, chọn Font, trong cửa sổ Font này, tìm chọn Tahoma nếu bạn muốn hiển thị tiếng Việt khi gõ bằng Unikey hay bộ gõ tiếng Việt hỗ trợ Unicode.

2-Viết Codes vào NotePad:

Gõ vào Notepad các dòng codes sau đây:

```
<html>
```

```
<head>
```

```
<title>My first webpage</title>
```

```
</head>
```

```
<body>
```

```
Đây là trang Web đầu tiên của tôi!!!
```

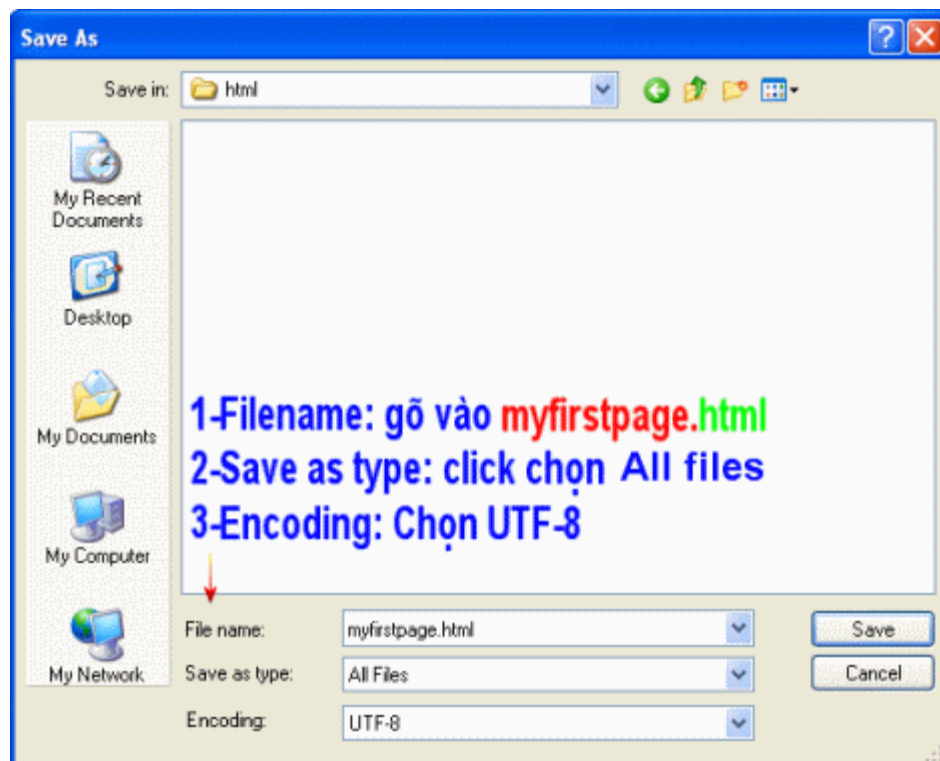
```
</body>
```

```
</html>
```

3-Lưu trang Notepad Untitled:

Trước tiên, bạn nên tạo một thư mục để chứa các trang mà bạn tạo ra trong suốt quá trình thực hành, đặt tên cho thư mục này là **html**. Nên để thư mục này là thư mục gốc **C:\html**.

Từ cửa sổ Notepad với File Untitled chứa các dòng codes bạn mới gõ vào, click **File** chọn **Save as**, cửa sổ Save as mở ra, chọn đĩa chứa thư mục **html** như hình dưới:

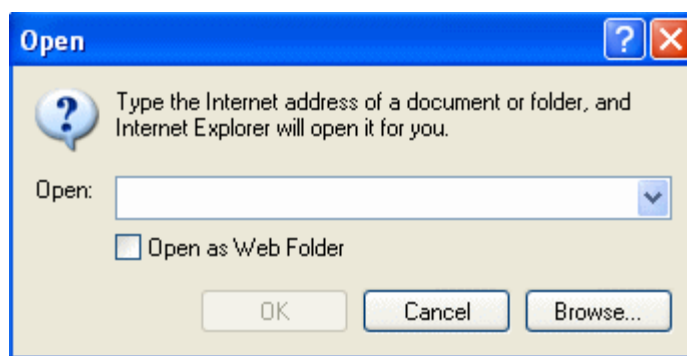


1. Tại ô Filename: gõ vào tên file myfirstpage.html (nhớ rằng phần mở rộng là .html)
2. Tại ô Save as type: chọn All files
3. Tại ô Encoding chọn: UTF-8 (Unicode Transformation Format-8).

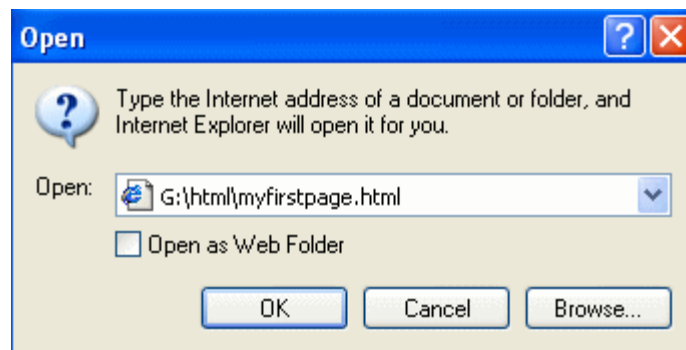
Xong click **Save**.

4-Mở trang myfirstpage.html với Internet Explorer:

1. **Khởi động Internet Explorer:** Trong Windows, click Start/ chọn Internet Explorer. Trình duyệt IE được nạp vào. Bạn không cần phải kết nối Internet. Bỏ qua lưu ý: **The page could not display**. Click trên thực đơn File, chọn Open: Cửa sổ Open mở ra: Xem hình:



2. Click Browse tìm đến thư mục html, file myfirstpage và click Open, bạn thấy trình duyệt tìm được file, chẳng hạn như hình minh họa dưới:



3. Click OK, trang Web của bạn được IE mở như bên dưới: (ở đây chỉ trình bày một phần của trang trên IE Browser):



Bạn xem lại các dòng codes, rồi bạn xem nội dung hiển thị của trang. Bạn thấy rằng dòng tựa đề hiển thị trên cùng của Browser. Dòng này được khai báo trong cặp Tag thành phần <title></title> đặt trong <head></head>.

Chỉ có câu: **Đây là trang Web đầu tiên của tôi!!!** mà bạn đặt giữa cặp tag <body></body> hiển thị. Đó là chính là nội dung của trang Web.

Như vậy, bài thực hành này củng cố lại lý thuyết về các thành phần chính trong mục I của bài học. Để thực hành, bạn hãy tạo một số trang và gõ vào thật nhiều chữ, bạn cũng có thể bấm phím cách để mở rộng khoảng cách các chữ, nhấn phím Enter để xuống hàng. Sau đó lưu file (nhớ rằng phần mở rộng phải là .html). Mở file bằng Browser, bạn xem các khoảng cách và xuống hàng mà bạn đã tạo trong Notepad có hiển thị trên Browser không? Bài 4 sẽ giúp bạn làm được điều này.

BÀI 2 : Tiêu Đề, Đoạn Văn, Đoạn Trích Dẫn, Xuống Hàng

Trong một văn bản, tiêu đề (header) thường được viết đậm và lớn để phân biệt với nội dung của văn bản. Để tạo tiêu đề trong trang HTML sử dụng cặp tags (Thẻ):

I-Cặp Tags tiêu đề: Header (h) tag

Trong một văn bản, tiêu đề (header) thường được viết đậm và lớn để phân biệt với nội dung của văn bản. Để tạo tiêu đề trong trang HTML sử dụng cặp tags (Thẻ): `<hn> </hn>`

1-Cú pháp:

`<hn> Tên của tiêu đề </hn>`

Trong đó:

- h: dùng để khai báo tag tiêu đề sẽ được dùng
- n: là số nguyên 1--> 6 luôn đi sau h để xác định kích thước chữ tiêu đề. Đơn vị tính: pixel. Theo thứ tự:
 - h1: 20px
 - h2: 18px
 - h3: 16px
 - h4: 14px
 - h5: 12px
 - h6: 10px

Lưu ý: Các giá trị trên chỉ tương trưng cho khả năng của HTML. Với CSS, bạn có thể định dạng thẻ <H> và cho giá trị độ lớn (pixels) tùy ý.

Tag đóng tiêu đề tương ứng với tag mở nhưng phải có thêm dấu /: `</hn>`

Xem ví dụ:

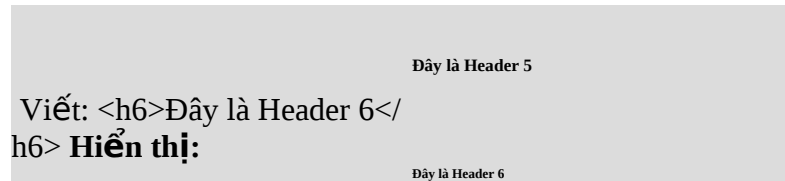
```
Viết: <h1>Đây là Header 1</h1>
h1> Hiện thị: Đây là Header 1

Viết: <h2>Đây là Header 2</h2>
h2> Hiện thị: Đây là Header 2

Viết: <h3>Đây là Header 3</h3>
h3> Hiện thị: Đây là Header 3

Viết: <h4>Đây là Header 4</h4>
h4> Hiện thị: Đây là Header 4

Viết: <h5>Đây là Header 5</h5>
h5> Hiện thị:
```



Thực hành: Mở Notepad hoặc coderunner gõ vào đoạn code bên dưới:

```
<html> <head> <title>header</title> </head> <body>
<h1>Đây là Header 1</h1> <h2>Đây là header 2</h2>
<h3>Đây là Header 3</h3> <h4>Đây là Header 4</h4>
<h5>Đây là Header 5</h5> <h6>Đây là Header 6</h6>
</body> </html>
```

Lưu tập tin trên với tên **heading.html**. Dùng trình duyệt mở để xem kết quả.

2-Thuộc tính và giá trị thuộc tính của h:

Để canh bên trái phải, giữa, cho thẻ **h** chúng ta dùng thuộc tính đi kèm trong **h** là align="giá trị".

Cú pháp: **<h_n align="giá trị">nội dung tiêu đề </h_n>**

Trong đó: "giá trị" được thay thế bằng:

- **justify** :canh đều 2 bên trái phải. Dùng trong trường tiêu đề dài hơn 2 dòng thì 2 bên trái phải đều nhau. Khác với kiểu đánh máy chữ.
- **left** :canh trái (mặc nhiên, không cần khai báo)
- **right** :canh phải
- **center** :canh giữa

Ví dụ: **<h2 align="center">Header này được canh giữa</h2>**

Header này được canh giữa

<h2 align="right">Header này được canh phải</h2>

Header này được canh phải

<h2>Header này mặc nhiên là canh bên trái</h2>

Header này mặc nhiên canh bên trái

II-Cặp Tags Đoạn Văn: Paragraph **<p></p>** Tag

Để hiển thị nội dung của một đoạn văn bản ta sử dụng cặp tag: **<p></p>**. Khác với việc nhập nội dung trực tiếp như trong bài 3, ngoài việc tự động xuống hàng, cách một dòng khi bắt đầu một đoạn văn bản khác, cặp

tags: <p></p> còn có thể định dạng canh đều 2 bên, canh phải, canh giữa. Mặc nhiên, khoảng cách giữa các dòng trong văn bản đã được thiết lập trong trình duyệt. Để định dạng khoảng cách giữa các hàng, các chữ cũng như nhiều thuộc tính khác của <p> chúng ta phải dùng đến Cascading Style Sheet(CSS).

1-Cú pháp:

<p> Nội dung của đoạn văn bản</p>

Ví dụ: Viết:

<p>Nếu chỉ học HTML mà không nắm cách sử dụng của Cascading Style Sheet thì chưa thể điều khiển được trang web như ý muốn. CSS, ngôn ngữ với cú pháp riêng giúp chúng ta trình bày một trang web vững và gọn gàng hơn. Trong khi phải lập đi lập lại việc gõ các tag và thuộc tính của chúng để áp dụng vào từng chữ, biểu bảng... với CSS, bạn chỉ việc gán thuộc tính và giá trị rồi dùng chúng để định dạng cho toàn bộ trang web hoặc nhiều trang Web trên cùng một server.</p>

Hiện thị trên trình duyệt:

Nếu chỉ học HTML mà không nắm cách sử dụng của Cascading Style Sheet thì chưa thể điều khiển được trang web như ý muốn. CSS, ngôn ngữ với cú pháp riêng giúp chúng ta trình bày một trang web vững vàng và gọn gàng hơn. Trong khi phải lập đi lập lại việc gõ các tag và thuộc tính của chúng để áp dụng vào từng chữ, biểu bảng... Với CSS ta có thể gán thuộc tính và giá trị cho từng elements và tags, rồi lưu chúng bằng 1 tập tin có phần mở rộng là .css, dùng tập tin này để định dạng layout một hoặc nhiều trang Web trên Server.

2-Thuộc tính và giá trị thuộc tính của <p>:

Cũng giống như với <h>, thuộc tính của <p> là **align=** và giá trị của **align=** là:

- **center** :canh giữa.
- **justify**:canh đều 2 bên
- **left** :hoặc không khai báo align: mặc nhiên
- **right** :canh bên phải.

Ví dụ: Đoạn văn bản này được canh đều hai bên. Viết:

<p align="justify">Nếu chỉ học HTML mà không nắm cách sử dụng của Cascading Style Sheet thì chưa thể điều khiển được trang web như ý muốn. CSS, ngôn ngữ với cú pháp riêng giúp chúng ta trình bày một trang web vững vàng và gọn gàng hơn. Trong khi phải lập đi lập lại việc gõ các tag và thuộc tính của chúng để áp dụng vào từng chữ, biểu bảng... Với CSS ta có thể gán thuộc tính và giá trị cho từng elements và tags, rồi lưu chúng bằng 1 tập tin có phần mở rộng là .css, dùng tập tin này để định dạng layout một hoặc nhiều trang Web trên Server.</p>

Hiển thị trên trình duyệt:

Nếu chỉ học HTML mà không nắm cách sử dụng của Cascading Style Sheet thì chưa thể điều khiển được trang web như ý muốn. CSS, ngôn ngữ với cú pháp riêng giúp chúng ta trình bày một trang web vững vàng và gọn gàng hơn. Trong khi phải lập đi lập lại việc gõ các tag và thuộc tính của chúng để áp dụng vào từng chữ, biểu bảng... Với CSS ta có thể gán thuộc tính và giá trị cho từng elements và tags, rồi lưu chúng bằng 1 tập tin có phần mở rộng là .css, dùng tập tin này để định dạng layout một hoặc nhiều trang Web trên Server.

Đề ý: hai biên trái phải được canh thẳng đều, không lồi lõm theo kiểu đánh máy chữ.

Ví dụ: Đoạn văn bản này được canh phải. Viết:

```
<p align="right">Nếu chỉ học HTML mà không nắm cách sử dụng của Cascading Style Sheet thì chưa thể điều khiển được trang web như ý muốn. CSS, ngôn ngữ với cú pháp riêng giúp chúng ta trình bày một trang web vững vàng và gọn gàng hơn. Trong khi phải lập đi lập lại việc gõ các tag và thuộc tính của chúng để áp dụng vào từng chữ, biểu bảng... Với CSS ta có thể gán thuộc tính và giá trị cho từng elements và tags, rồi lưu chúng bằng 1 tập tin có phần mở rộng là .css, dùng tập tin này để định dạng layout một hoặc nhiều trang Web trên Server.</p>
```

Hiển thị trên trình duyệt:

Nếu chỉ học HTML mà không nắm cách sử dụng của Cascading Style Sheet thì chưa thể điều khiển được trang web như ý muốn. CSS, ngôn ngữ với cú pháp riêng giúp chúng ta trình bày một trang web vững vàng và gọn gàng hơn. Trong khi phải lập đi lập lại việc gõ các tag và thuộc tính của chúng để áp dụng vào từng chữ, biểu bảng... Với CSS ta có thể gán thuộc tính và giá trị cho từng elements và tags, rồi lưu chúng bằng 1 tập tin có phần mở rộng là .css, dùng tập tin này để định dạng layout một hoặc nhiều trang Web trên Server.

III-Cặp Tags Trích Đoạn: <blockquote></blockquote>

1-Cú pháp:

```
<blockquote> Nội dung của trích đoạn</blockquote>
```

Dùng cặp tag này khi muốn trích dẫn một đoạn văn bản, và đoạn văn bản sẽ thụt lề (indent) tùy theo số lần <blockquote> mở và đóng. Mở bao nhiêu thì đóng bấy nhiêu.

Ví dụ: Viết:

```
<blockquote><blockquote>Nếu chỉ học HTML mà không nắm cách sử dụng của Cascading Style Sheet thì chưa thể điều khiển được trang web như ý muốn. CSS, ngôn ngữ với cú pháp riêng giúp chúng ta trình bày một trang web vững vàng và gọn gàng hơn. Trong khi phải lập đi lập lại việc gõ các tag và thuộc tính của chúng để áp dụng vào từng chữ, biểu bảng... Với CSS ta có thể gán thuộc tính và giá trị cho từng elements và tags, rồi
```

lưu chúng bằng 1 tập tin có phần mở rộng là .css, dùng tập tin này để định dạng layout một hoặc nhiều trang Web trên Server.

Hiển thị trên trình duyệt:

Nếu chỉ học HTML mà không nắm cách sử dụng của Cascading Style Sheet thì chưa thể điều khiển được trang web như ý muốn. CSS, ngôn ngữ với cú pháp riêng giúp chúng ta trình bày một trang web vững vàng và gọn gàng hơn. Trong khi phải lập đi lập lại việc gõ các tag và thuộc tính của chúng để áp dụng vào từng chữ, biểu bảng... Với CSS ta có thể gán thuộc tính và giá trị cho từng elements và tags, rồi lưu chúng bằng 1 tập tin có phần mở rộng là .css, dùng tập tin này để định dạng layout một hoặc nhiều trang Web trên Server.

2-Thuộc tính và giá trị thuộc tính của <blockquote>:

Cặp tag này không có thuộc tính và giá trị trừ việc sử dụng trích dẫn ngay trong dòng bằng cú pháp: <q xml:lang="xx"></q>. Và để ghi rõ trích dẫn từ một trang Web khác bạn dùng cú pháp <blockquote cite="URL">

IV-Tag Xuống Hàng: Break
 a line tag và chống xuống hàng <nobr>.

1-Tag xuống hàng:

Khi viết thẳng vào HTML không cần sử dụng Paragraph tag (p tag), bạn có thể sử dụng Tag:
 để xuống hàng. Tag này không có tag đóng..

Ví dụ: Viết:

Họ:
 Tên:
 Địa chỉ-email:

Hiển thị trên trình duyệt:

Họ: Tên: Địa chỉ e-mail:

2-Tag chống xuống hàng: <nobr>

Tag này thường sử dụng trong một câu lệnh hay một hành động dài của đoạn mã Javascript. . **Cú Pháp:** <nobr>. Bạn sẽ thấy việc sử dụng hữu hiệu tag này trong các đoạn Javascript cao cấp.

3-Thuộc tính và giá trị thuộc tính của

Tag này có một thuộc tính **Clear** dùng để ngăn việc xuống dòng tự động. **Cú pháp:** <br clear>

Tag này thường được dùng trong các đoạn Javascript như Rolling Text hoặc Crossmarque, khi đó lệnh xuống hàng sẽ làm cho đoạn mã hiển thị không đúng.

V-Tạo khoảng trống: **none breaking space**

1-Cú pháp:

Để tạo khoảng trống giữa các chữ hoặc nội dung ta dùng . Không có đóng mở cho lệnh này.

Ví dụ: Viết:

Khi chưa biết CSS, muốn thụt lề tôi phải dùng bao nhiêu là như vậy.

Hiển thị trên trình duyệt:

Khi chưa biết CSS CSS, muốn thụt lề tôi phải dùng bao nhiêu là như vậy.

VI-Tag vẽ đường gạch ngang: **H orizontal Rule (HR) tag**

1-Cú pháp:

Để vẽ một đường ngang trong trang dùng tag: **<hr>**. Đây là một tag đơn và do đó không có Tag đóng.

2-Thuộc tính và giá trị thuộc tính của <hr>

Có 5 thuộc tính cho <hr> đó là:

- **align** : Canh biên. Giá trị là: **right,center, left** (mặc nhiên)
- **noshade** : Khi muốn hiển thị đường ngang không có bóng mờ.
- **size** : Độ dày của đường ngang. Giá trị: số **1,2 hoặc 3**.
- **width** : Độ rộng(độ dài chiều ngang). Giá trị là **px hoặc %**
- **color** : Màu Dùng tên màu như **red, green, blue** hoặc hexadecimal như: **#0000FF, #FFCC99...**

Ví dụ: Viết:

```
<hr align="center" size="3" width="400" color="red">
```

Hiển thị trên trình duyệt:

VII-Canh giữa nội dung: **<center></center>** tag

Khi không sử dụng **<P>** hoặc **<blockquote>** cho đoạn văn bản, bạn có thể dùng cặp Thẻ **<center></center>** để canh giữa nội dung

Ví dụ: Viết:

```
<center><b>Canh giữa nội dung này</b></center>
```

Hiển thị trên trình duyệt:

Canh giữa nội dung này

Cặp tag này cũng được dùng để canh ảnh, form vào giữa trang.

TaiLieu.vn

BÀI 3 : Định dạng chữ

Trong bài học này chúng ta sẽ nắm cách sử dụng các thẻ định dạng chữ **Đậm**, *Nghiêng*, Gạch dưới... trong trang HTML.

I-Chữ Đậm: Bold (b) tag Để làm cho chữ **đậm** ta sử dụng cặp tag: 1-Cú pháp: a-Cặp Tags: : **chữ cần làm đậm**. Trong đó:

- :tag khai báo chữ đậm.
- :tag đóng chữ đã được làm đậm. Nếu bạn sơ ý không đóng bằng tag này, chữ đậm sẽ ảnh hưởng lên các nội dung khác trong văn bản.

Ví dụ:

Viết:	Hiển thị trên trình duyệt:
Đoạn này sẽ Đậm	Đoạn này sẽ Đậm

2-Thuộc tính và giá trị thuộc tính của: , Các cặp tag này không có thuộc tính và giá trị.

II-Chữ Nghiêng: *Italic* (i) tag Để làm cho chữ *nghiêng* ta sử dụng cặp tag: <i> </i> hoặc

1-Cú pháp:

a-Cặp Tags:<i> *chữ nghiêng*</i>

Trong đó:

- <i> :tag khai báo chữ nghiêng.
- </i> :tag đóng chữ đã được làm nghiêng. Luôn có tag này.

Ví dụ:

Viết:	Hiển thị trên trình duyệt:
<i>Đoạn này sẽ nghiêng</i>	<i>Đoạn này sẽ nghiêng</i>

b-Cặp Tags: cũng được dùng để làm chữ nghiêng. Cú pháp và ví dụ tương tự, thay thế i bằng em.

Ngoài ra chúng ta cũng có thể dùng cặp tags <address>Chữ nghiêng</address> để làm chữ nghiêng, nhưng nội dung trong cặp tags này tự động xuống hàng.

Các cặp tags : <cite>*chữ nghiêng*</cite>, <dfn> *Chữ nghiêng*</dfn>, <var>*Chữ nghiêng*</var>, cũng có tác dụng làm nghiêng chữ nhưng ít được sử dụng như tags <i></i>

2-Thuộc tính và giá trị thuộc tính của: <i> </i>,

Các cặp tag này không có thuộc tính và giá trị.

III-Chữ Gạch Dưới: Underline (u) tag

Để làm cho chữ gạch dưới ta sử dụng cặp tag: <u> </u> và <ins> </ins>

1-Cú pháp:

a-Cặp Tags: <u> **chữ cần gạch dưới**</u>

Trong đó:

- <u> :tag khai báo gạch dưới.
- </u> :tag đóng chữ đã được gạch dưới. Luôn có.

Ví dụ:

Viết:	Hiển thị trên trình duyệt:
<u>I like HTML</u>	I like <u>HTML</u>

b-Cặp Tags:<ins> </ins> để chèn một đoạn chữ có gạch dưới vào nội dung:. Cú pháp tương tự.

Ví dụ:

Viết:	Hiển thị trên trình duyệt:
I like <ins>HTML</ins>	I like HTML

2-Thuộc tính và giá trị thuộc tính của: <u> </u> và <ins> </ins>:

Các cặp tag này không có thuộc tính và giá trị.

IV-Chữ Gạch Giữa: ~~Strike~~ (strike) tag 1-Cú pháp:

Ta có thể viết: <strike>chữ gạch giữa</strike> hoặc <s>chữ gạch giữa</s>

Trong đó:

- <s> :tag khai báo gạch giữa.
- </s> :tag đóng chữ đã được gạch giữa.

Ví dụ:

Viết:	Hiển thị trên trình duyệt:
<s>Giá cũ: 250.000 đồng</s>	Giá cũ: 250.000 đồng

V-Chữ to hơn: Big (big) tag

Để làm cho chữ lớn hơn cỡ chữ hiện tại, ta sử dụng cặp tag: <big> </big>

1-Cú pháp:<big>Chữ to hơn</big>

Trong đó:

- <big> :tag khai báo làm chữ to hơn.
- </big> :tag đóng chữ đã được làm to.

Ví dụ:

Viết:	Hiển thị trên trình duyệt:
<big>Chữ này to hơn</big>	Chữ này to hơn

2-Thuộc tính và giá trị thuộc tính của: <big> </big>

Các cặp tag này không có thuộc tính và giá trị.

VI-Chữ nhỏ hơn: Small (small) tag

Để làm cho chữ nhỏ hơn cỡ chữ hiện tại, ta sử dụng cặp tag: <small> </small>

1-Cú pháp:<small>Chữ nhỏ hơn</small>

Trong đó:

- <small> :tag khai báo làm chữ nhỏ hơn.
- </small> : tag đóng chữ đã được làm nhỏ.

Ví dụ:

Viết:	Hiển thị trên trình duyệt:
<small>Chữ này nhỏ hơn</small>	Chữ này nhỏ hơn

2-Thuộc tính và giá trị thuộc tính của: <small> </small>

Các cặp tag này không có thuộc tính và giá trị.

Để thực hành, bạn hãy mở Notepad, sau đó viết các đoạn codes trong các bài ví dụ trên và lưu tập tin **format_text.html**

BÀI 4 : Định dạng Font Chữ, Màu chữ, Cỡ chữ

Hướng dẫn định dạng chữ, màu chữ với thẻ .

I-Font chữ: tag

 tags dùng để khai báo font chữ, màu chữ và cỡ chữ sử dụng trong đoạn văn bản hay tiêu đề, hay một đoạn trích dẫn... Khi khai báo phải kèm theo thuộc tính và giá trị của nó.

Cú pháp:

Trong đó:

- :khai báo font tag sẽ được dùng.
- Thuộc tính: Có 3 thuộc tính là: **color**, **face** và **size**.
- :tag đóng.

Ví dụ:

Viết:	Hiển thị trên trình duyệt:
Chữ màu đỏ	Chữ màu đỏ
Chữ màu xanh, mức 1	Chữ màu xanh, mức 1
Chữ màu hồng, font arial 	Chữ màu hồng, font arial
Chữ màu chanh, font tahoma, mức -1 	Chữ màu chanh, font tahoma, mức -1

II-Giá trị màu, font chữ và kích thước chữ của: tag 1-Giá trị màu:

Có hai cách khai báo màu phổ biến đó là:

a-Sử dụng tên màu: gồm 16 tên. Khai báo như sau:

- **Màu aqua**
- **Màu black**
- **Màu blue**
- **Màu fuchsia**
- **Màu gray**
- **Màu green**
- **Màu lime**
- **Màu maroon**
- **Màu navy**
- **Màu olive**
- **Màu purple**
- **Màu red**
- **Màu silver**

- Màu teal
-
- Màu yellow

b-Sử dụng giá trị Hexadecimal: Cách khai báo: Luôn bắt đầu bằng dấu #.

Dưới đây là ví dụ biểu diễn 16 tên màu bằng giá trị Hex. Để có thêm nhiều màu bạn cần tham khảo Bảng màu 1 trong mục lục. Ngoài ra, bạn cũng có thể sử dụng giá trị Hex trong bảng màu 2.

Ví dụ:

- Màu aqua
- Màu black
- Màu blue
- Màu fuchsia
- Màu gray
- Màu green
- Màu lime
- Màu maroon
- Màu navy
- Màu olive
- Màu purple
- Màu red
- Màu silver
- Màu teal
-
- Màu yellow

2-Font chữ:

3 Font chữ Unicode hỗ trợ dấu tiếng Việt cho Web phổ biến là: arial, verdana và tahoma. Dùng bộ gõ hỗ trợ Unicode như Unikey và chọn lưu file là Unicode UTF-8 thì trình duyệt sẽ hiển thị dấu Tiếng Việt.

Khai báo như sau:

- Font tahoma
- Font arial
- Font verdana

3-Cỡ chữ:

- Cỡ rất lớn
- Cỡ lớn
- Cỡ vừa
- Cỡ nhỏ
- Cỡ policy thẻ tin dụng
- Cỡ policy cho mượn xe

III-Bài thực hành:

Mở Notepad và gõ vào bài thực hành sau:

```
<html>

<head>

<title>Fotmat_font</title>

</head>

<body>

<h2 align="center"><font color="navy">Bài thực hành số
2</h2>

<p align="justify"><font color="blue"
size="+1">Với</font> <font color="red"> font tags </font>,
chúng ta có thể chọn được <font color="#FF00FF">màu
cho chữ</font>, kích thước cho font chữ như chữ <font
size="-2">rất nhỏ</font>, chữ <font face="verdana">font
face verdana</font>.</p>

</body>

</html>
```

BÀI 5 : Tạo danh sách (list)

Một vài ví dụ sử dụng thẻ HTML để trình bày Danh mục.

I-Danh sách không theo thứ tự: `` `` (Unordered List)

`` `` tags dùng để tạo danh sách không theo thứ tự, tag này gồm có thuộc tính và thành phần tạo danh sách.

1-Cú pháp:

```
<ul thuộc tính="giá trị">
<li>Mục trong danh sách</li>
<li>Mục trong danh sách</li>
<li>.....</li>
</ul>
```

Trong đó:

T `` :khai báo mmt danh sách sộ được dùng.

ợ ộThuoc tính: **type=**

t `` :Thành phñn khai báo mầt của danh sách. Giá trị: **type="kỷ tự"**

ự `` :Tag đóng mmt. (Tag này là tùy chặp, không cần đóng cũng được.)

ợ `` :Tag đóng.

Ví dụ:

Viết:	Hiển thị trên trình duyệt:
<pre><ul type="1"> Mục 1 Mục 2 Mục 3 </pre>	<pre>1. Mục 1 2. Mục 2 3. Mục 3</pre>
<pre><ul type="1"> Mục 1 Mục 2 <li value="5">Mục 5 Mục 6 </pre>	<pre>1. Mục 1 2. Mục 2 1. Mục 5 2. Mục 6 3. Mục 7</pre>

Mục 7 	
	

Mặc nhiên, khi một danh sách được khai báo thì mục đầu tiên sẽ tự động xuống 1 hàng vào thụt lề.

2-Giá trị thuộc tính của Tag:

Ủ <ul type="1"> : BBt **đầu** danh sách theo thứ tự 1,2,3.(mặc nhiên)

ặ <ul type="square"> : Danh sách bbt **đầu** là các chấm vuông đen.

ấ <ul type="circle"> : Danh sách bbt **đầu** là vòng tròn rỗng.

ổ <ul type="square"> : Danh sách bbt **đầu** là 1 vòng tròn đen.

ầ <ul type="I"> :Danh sách bbt **đầu** số La Mã hoa.

ố <ul type="i"> : Danh sách bbt **đầu** số La Mã thường.

ờ <ul type="A"> : Danh sách bbt **đầu** chữ cái Hoa.

ữ <ul type="A"> : Danh sách bbt **đầu** chữ thường.

Xem ví dụ:

Viết:	Hiển thị trên trình duyệt:
<pre><ul type="1"> Mục thứ tự 1 Mục thứ tự 2 Mục thứ tự 3 </pre>	<pre>1. Mục thứ tự 1 2. Mục thứ tự 2 3. Mục thứ tự 3</pre>
<pre><ul type="square"> Mục với ô vuông đen. </pre>	<pre>▪ Mục với ô vuông đen.</pre>
<pre><ul type="circle"> Mục với ô tròn rỗng. </pre>	<pre>o Mục với ô tròn rỗng</pre>